

Giải bài toán an sinh xã hội qua các thuyết hiệu quả và công bằng

Ngô Thanh Hoàng*

TÓM TẮT

An sinh xã hội (ASXH) là một bài toán mà mọi quốc gia trên thế giới hiện nay phải đối mặt, để giải quyết bài toán này có nhiều cách giải dựa trên cách tiếp cận khác nhau về ASXH. ASXH có hai nguyên nhân cơ bản là từ nguyên nhân chủ quan như hiệu quả phân phối và công bằng trong kinh tế, sự méo mó của kinh tế thị trường, quản lý xã hội không tốt và nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch họa,... Sau nữa tác giả khái quát hóa về lý luận cơ bản về ASXH; tìm ra nguyên nhân, sự gắn kết giữa ASXH với vấn đề hiệu quả và công bằng, đánh giá vấn đề ASXH hiện nay trên thế giới và trọng yếu là ở Việt Nam; từ đó đề xuất cách giải quyết vấn đề ASXH trong thời gian tới.

• Từ khóa: an sinh xã hội, thuyết hiệu quả và công bằng, học thuyết kinh tế.

ABSTRACT

Social security is a problem that every country in the world now has to deal with. To solve this problem, there are many solutions based on different approaches to social security. Social security has two main causes: subjective causes like distribution efficiency and economic equity, distortion of market economy, poor social management, and objective causes like natural disasters. Then, the author will summarize the basic theory of social security; find out the cause, the link between social security and the efficiency and social equity; assess the social security in the world and in Vietnam as well. Based on that, the author propose propose how to solve the problem of social security in the future.

• Keywords: Social security, theory of efficiency and equality, economic theories.

Dẫn nhập

Tác giả cho rằng: Hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay đều có “một quốc gia khác trong nó”. Điều này có nghĩa là gì? Nghĩa là mọi quốc gia đều có hai mặt, thứ nhất là sự thịnh vượng nổi bật bởi những nhóm người giàu có, thứ hai là sự nghèo khó đại diện là tầng lớp bản cùng. Nói

cách khác theo nghĩa kinh tế - xã hội trong mỗi biên giới đều có “hai quốc gia” song song tồn tại. Có nhiều học thuyết, luận điểm, tác phẩm nói về vấn đề này, mà điển hình là tác phẩm “Có một nước Mỹ khác - sự nghèo khó ở Hoa Kỳ” (Micheal Harrington, 2006). Nói về đói nghèo, hầu hết các nhà nghiên cứu, các học giả

đều cho rằng: Đói nghèo là một hiện tượng kinh tế - xã hội mang tính chất toàn cầu. Nó không chỉ tồn tại ở các quốc gia có nền kinh tế kém phát triển, mà nó còn tồn tại ngay tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, tuy thuộc vào điều kiện tự nhiên, thể chế chính trị xã hội và điều kiện kinh tế của mỗi quốc gia mà tính

* TS - Học viện Tài chính

chất, mức độ nghèo đói của từng quốc gia có khác nhau.

Tại sao lại có hai mặt đối lập ở trong một thế giới văn minh như hiện tại? Đi tìm câu trả lời tác giả sử dụng học thuyết trong kinh tế học phúc lợi mà cụ thể là học thuyết liên quan đến hiệu quả và công bằng.

1. Học thuyết về hiệu quả

Theo học thuyết Pareto: hiệu quả phúc lợi tối đa đạt được khi "Một tình trạng phân bổ nguồn lực đạt hiệu quả Pareto nếu như không còn có cách phân bổ nguồn lực nào khác để làm cho ít nhất một người được lợi hơn mà không làm thiệt hại đến bất kỳ ai khác". Học thuyết này đã chứng minh được rằng nền kinh tế đạt hiệu quả Pareto với điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh hoàn hảo hay nói cách khác là nền kinh tế không có khuyết tật, khiếm khuyết. Tuy nhiên, cho dù nền kinh tế đạt hiệu quả Pareto đi chăng nữa, thì sự phân phối thu nhập do nó mang lại vẫn có thể bị coi là chưa thỏa đáng. Vì thế một trong những mục tiêu chính trong hoạt động của chính phủ là sửa đổi lại việc phân phối thu nhập. Trong quá trình quản lý nền kinh tế - xã hội, chính phủ phải chấp nhận đánh đổi giữa hiệu quả và phân phối. Điều này được nhà kinh tế học Joseph Stiglitz người Mỹ, đạt giải Nobel Kinh tế năm 2001 lý giải và chứng minh trong "Chương 4: Kinh tế học phúc lợi - Hiệu quả và công bằng" ở tác phẩm kinh điển "Kinh tế học công cộng" (Joseph Stiglitz, 1988).

Hiệu quả Pareto chú trọng tới phúc lợi tổng thể, phúc lợi

tối đa của toàn xã hội mà chưa quan tâm tới phúc lợi tương đối của từng cá nhân khác nhau. Học thuyết này chấp nhận cho người này giàu lên nhưng bỏ mặc sự nghèo đi của người khác và vẫn coi là đó là sự cải thiện Pareto. Các chính phủ sử dụng học thuyết này đồng nghĩa với việc chấp nhận một tầng lớp xã hội có thể bị nghèo đi, và đó chính là sự đánh đổi của hiệu quả và công bằng. Đây là nguyên nhân dẫn đến khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội ngày càng cao. Theo đánh giá, nghiên cứu của tổ chức quốc tế Oxfam trong một báo cáo mới nhất có tên là "Working for the Few", tại diễn đàn kinh tế thế giới ở Davos, Switzerland đã chỉ ra thực trạng phân phối của cải xã hội của thế giới hiện nay với các kết luận chính bao gồm:

+ 1% dân số thế giới nắm giữ gần 50% tài sản toàn cầu.

+ Tài sản của 1% người giàu nhất thế giới chiếm 110 nghìn tỷ USD, gấp 65 lần tổng tài sản của nửa dưới dân số thế giới.

+ Người giàu ngày càng giàu hơn, tại Mỹ sau khủng hoảng 2009 thì 1% số người giàu nhất chia sẻ 95% tăng trưởng của nền kinh tế, còn 90% số người ngày càng nghèo đi.

Tiểu kết: Việc phân phối của cải xã hội theo hướng phúc lợi tối đa cho xã hội chưa quan tâm tới phúc lợi tương đối của từng cá nhân dẫn đến khoảng cách rất chênh lệch giữa các tầng lớp xã hội là nguyên nhân cơ bản dẫn tới đói nghèo và mất ASXH, để khắc phục tình trạng này các nhà nghiên cứu, các chính phủ cần thực hiện tốt vấn đề ASXH.

Vậy, ASXH là gì và ASXH xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản nào?

2. An sinh xã hội

Theo bách khoa toàn thư mở:

"ASXH cũng có thể chỉ các chương trình hành động của chính phủ nhằm thúc đẩy phúc lợi của người dân thông qua các biện pháp hỗ trợ đảm bảo quyền tiếp cận các nguồn lực đầy đủ về thực phẩm và nơi trú ẩn, tăng cường sức khỏe và phúc lợi cho người dân nói chung và các nhóm có khả năng dễ bị tổn thương như trẻ em, người già, người bệnh và người thất nghiệp. Các dịch vụ cung cấp ASXH thường được gọi là các dịch vụ xã hội".

Chương trình ASXH có thể là: Bảo hiểm xã hội; chăm sóc y tế; bảo hiểm thất nghiệp, bảo trợ, trợ cấp xã hội theo chương trình mục tiêu, như hỗ trợ cho những người tị nạn, trợ cấp tuổi già, trợ cấp thai sản, trợ cấp tàn tật,...

ASXH tác động tới tất cả các thành viên trong xã hội, ảnh hưởng tới cuộc sống hàng ngày của mọi người, vì ASXH là biện pháp công cộng giúp ngăn chặn các thành viên trong xã hội tránh khỏi bị tụt xuống về kinh tế và về xã hội, đảm bảo cho họ phát triển bình thường.

Mấu chốt của ASXH là bảo vệ các thành viên trong xã hội tránh khỏi sự cùng quẫn về kinh tế, xã hội bởi các biện pháp công cộng, do nhà nước thực hiện. Giả sử đã phân phối của cải là công bằng theo các học thuyết kinh tế thì việc một cá nhân có khả năng rơi vào cùng quẫn là hoàn toàn có thể xảy ra và khó dự báo trước, bởi cả lý do có tính

khách quan, chứ không chỉ do sự chủ quan trong phân phối kinh tế mang lại, như: Ôm đầu, tai nạn bất ngờ, thiên tai, dịch họa,...

Có hai lý do chính dẫn đến ASXH không được đảm bảo, bao gồm: Bất công bằng trong phân phối theo quan điểm kinh tế và vấn đề xã hội phát sinh như: Tai nạn, ốm đau, tai họa,... do đó hệ thống ASXH phải được nghiên cứu thấu đáo trên bình diện lý thuyết và phải vận hành trơn chu trên thực tiễn. Đây là một đòi hỏi cấp thiết.

Với lý do là tai nạn, thiên tai,... thì chúng ta có các giải pháp như: đóng bảo hiểm, trợ cấp, xử lý các tình huống khẩn cấp của nhà nước... và các giải pháp này bài viết không bàn đến mà đi sâu lý giải vấn đề con người rơi vào tình cảnh an sinh không được đảm bảo do chính sách phân phối chưa công bằng của các quốc gia.

3. Các thuyết công bằng và mối quan hệ với an sinh xã hội

Việc mất ASXH theo giác độ kinh tế ngày càng lớn như đã phân tích ở phần trên, vậy đâu là nguyên nhân trọng yếu? Có thể nói các chính phủ đã chấp nhận đánh đổi giữa tăng trưởng hiệu quả và công bằng. Các chính phủ theo đuổi hiệu quả theo quan điểm hiệu quả Pareto tức là miễn là có cái bánh ngày càng to ra, còn phân phối cái bánh đó cho ai thì chưa được chú trọng. Các nhà kinh tế học cũng đã phát hiện lỗi này của nền kinh tế, kế thừa tư tưởng này trong kinh tế học công cộng và đi nghiên cứu xem có những cách phân phối của cải trong xã hội nào là tốt. Cho tới nay có rất nhiều nhà kinh tế học nghiên cứu theo các hướng

khác nhau, nhưng chủ yếu được phân loại thành bốn quan điểm/học thuyết lớn, bao gồm: Thuyết phân phối theo tài sản; Thuyết vị lợi; Thuyết bình quân đồng đều và Thuyết Rawls.

Thuyết phân phối theo tài sản

Là thuyết ủng hộ quan điểm phân phối thu nhập, tài sản theo thị trường cạnh tranh. Các nhà kinh tế ủng hộ cho thuyết này cho rằng việc phân phối phụ thuộc vào quan hệ cung cầu trên thị trường, hạn chế tối đa sự can thiệp của chính phủ vào phân phối lại thu nhập, cho dù tài sản có tập trung phần lớn vào tầng lớp người giàu như thực trạng đã diễn giải ở trên.

Mặt tích cực của cách phân phối này là tạo ra động lực cạnh tranh thúc đẩy thị trường hoàn hảo, năng suất lao động xã hội luôn được nâng cao, của cải xã hội tạo ra lượng ngày càng nhanh, nhiều hơn. Nhưng ngược lại cách phân phối này có nhược điểm lớn là chưa quan tâm tới khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp, làm nảy sinh các vấn đề xã hội và lại gây áp lực ngược trở lại tới cộng đồng đó là phải thực hiện các biện pháp ASXH.

Thuyết vị lợi

Thuyết này dựa trên lý thuyết về phúc lợi xã hội do Jeremy Bentham đề xướng ở thế kỷ XIX. Thuyết này cũng cho rằng việc phân phối trong xã hội cần phải tối đa hóa tổng phúc lợi xã hội. Giả sử xã hội chỉ có hai cá nhân là A và B, độ thỏa dụng của cá nhân A là U_A và độ thỏa dụng cá nhân B là U_B thì việc phân phối trong xã hội theo học thuyết này

tốt nhất là bằng $U_A + U_B$, và hàm phúc lợi có dạng $W = U_A + U_B$. Như vậy, thuyết này không quan tâm đến độ thỏa dụng của A hay B mà quan tâm tới tổng phúc lợi xã hội $W = U_A + U_B$ phải là cực đại, dẫn đến không quan tâm là phải bớt độ thỏa dụng của người A để đổi lấy độ tăng thỏa dụng của người B miễn là hàm phúc lợi $W = U_A + U_B$ là tối đa. Lúc đó sẽ phân phối nhiều hơn cho người nào có độ thỏa dụng biên trên thu nhập lớn hơn không quan tâm người đó là ai, hay nói cách khác nó phải nằm trên đường bàng quan xã hội cũng có nghĩa là không quan tâm tới người A, người B là giàu hay nghèo. Và như vậy dễ dẫn đến tình trạng người nghèo ngày càng nghèo đi, như thực trạng ở đại đa số xã hội hiện tại trên thế giới.

Nhược điểm lớn nhất của thuyết này chính là chỉ quan tâm tới phúc lợi toàn xã hội tạo ra mà chưa quan tâm tới việc phân phối cụ thể cho từng cá nhân, dễ dẫn tới chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn giữa các tầng lớp xã hội, nảy sinh các mâu thuẫn xã hội, mà đặc biệt là vấn đề ASXH phải giải quyết ngày càng nhiều.

Thuyết bình quân đồng đều

Những nhà kinh tế theo quan điểm này cho rằng phân phối thu nhập trong xã hội phải có kết cục là độ thỏa dụng biên trên thu nhập của mọi cá nhân phải bằng nhau. Và hàm phúc lợi xã hội có dạng $W = U_1 = U_2 = \dots = U_n$ theo quan điểm này sẽ dẫn đến phân phối cho các cá nhân trong xã hội là như nhau. Theo chủ nghĩa bình quân, điều này dễ dẫn đến triệt tiêu động lực phát triển, động cơ của các cá nhân tiên tiến, không tạo động lực cho cạnh tranh.

Nhược điểm lớn nhất của thuyết này đó là triết tiêu động lực cạnh tranh của từng cá nhân, thị trường bị méo mó, khó hoàn hảo, và dẫn tới tổng phúc lợi xã hội giảm và các vấn đề kinh tế, xã hội lại nảy sinh làm mất ASXH.

Thuyết Rawls

Thuyết Rawls hay còn được gọi là thuyết cực đại thấp nhất do nhà triết học người Mỹ John Rawls đưa ra năm 1971. Thuyết này cho rằng, phúc lợi của xã hội chỉ phụ thuộc vào phúc lợi của những người nghèo khổ nhất. Xã hội tốt lên nếu bạn cải thiện được phúc lợi của người nghèo khổ. Bất kể sự phân phối thu nhập nào mà chỉ làm tăng phúc lợi của người giàu mà không làm thay đổi lợi ích của người nghèo thì không có ý nghĩa trong việc nâng cao phúc lợi xã hội.

Theo Rawls, không có sự đánh đổi tức là không thể bù đắp giữa mức tăng về phúc lợi của người giàu có thể bù cho xã hội trước phúc lợi xã hội của người nghèo bị giảm. Biểu diễn trên đồ thị, đường bàng quan của xã hội có dạng chữ L, và hàm phúc lợi có dạng:

$$W = \min (MU_1, MU_2, \dots, MU_n)$$

Như vậy, nếu phân phối của cải xã hội theo học thuyết Rawls thì sẽ có lợi cho bài toán giải quyết vấn đề ASXH, vì vấn đề bản cùng trong kinh tế của các cá nhân được khắc phục tối đa.

Để xem xét thực trạng vấn đề ASXH trên giác độ kinh tế mà trọng tâm là tăng trưởng và bình đẳng, tác giả đi luận giải trên giác độ thước đo Gini trong phân phối thu nhập.

Để cân đo mức độ phân phối thu nhập trong các quốc gia như thế nào, có công bằng hay mất công bằng, nhà kinh tế học người Ý là C.Gini đã sử dụng thước đo Gini để đo. Hệ số Gini được xác định dựa trên hai yếu tố: Tỷ lệ dân số cộng dồn đến người thứ i ; và tỷ lệ thu nhập cộng dồn đến người thứ i . Hệ số Gini lớn hơn hoặc bằng không, nhỏ hơn hoặc bằng một. Bằng không tức là công bằng tuyệt đối, bằng một tức là bất công bằng tuyệt đối hay nói cách khác hệ số Gini càng tiến tới không thì phản ánh phân phối công bằng, tiến tới một thì càng bất công bằng.

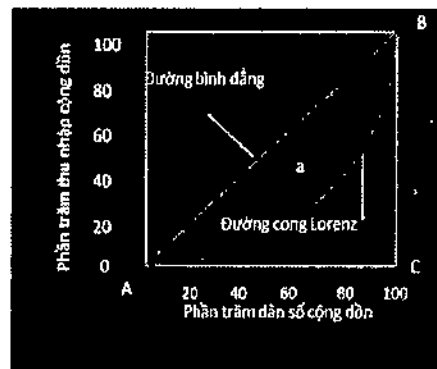
Theo Liên Hiệp Quốc hệ số Gini ở các quốc gia trên thế giới

hiện nay được thể hiện qua bản đồ Hình 2.

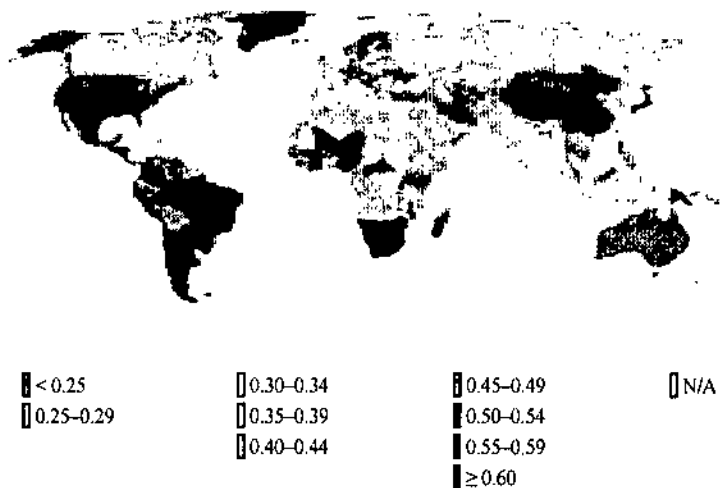
Theo bản đồ này độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở trên thế giới nói chung là tương đối cao, đặc biệt là châu Phi như Cộng Hòa Trung Phi có hệ số Gini là 61.3, Nam Phi có hệ số Gini là 57.8 và Nam Mỹ như Peru có hệ số Gini là 54.5, khu vực này có độ bất bình đẳng cao hàng đầu trên thế giới. Tại châu Âu có Đan Mạch là nước có hệ số Gini thấp nhất tức là có sự chênh lệch giàu nghèo thấp nhất, Tại châu Á có Nhật Bản với hệ số Gini thấp nhất, Việt Nam ở mức trung bình có hệ số Gini là 37.

Tiểu kết: Phân tích đến đây cho thấy có mối quan hệ mật thiết hữu cơ giữa quan điểm phân phối của cải của chính phủ trong xã hội và ASXH, việc phân phối của cải xã hội không công bằng dẫn tới mất ASXH và ngược lại. Để giảm bớt gánh nặng về ASXH, Chính phủ cần ban hành các chính sách thông minh hơn trong quan điểm phân phối và áp

Hình 1: Hệ số GINI



Hình 2: Hệ số GINI của các quốc gia trên thế giới



dụng đúng các chính sách phân phối của cải xã hội, đảm bảo việc phân phối của cải xã hội cho các tầng lớp dân chúng được bình đẳng hơn mà vẫn phát triển được kinh tế - xã hội cao và bền vững.

Theo tôi, nếu các chính phủ ban hành các chính sách hướng sự phân phối của cải theo học thuyết Rawls thì hạn chế tối đa được vấn đề ASXH phát sinh với lý do kinh tế, giảm được chi phí xã hội, và chính phủ cần kết hợp hài hòa được vấn đề phân phối lần đầu theo thuyết của cải, thuyết vị lợi, tạo cơ chế động lực tối đa cho thị trường cạnh tranh phát triển dẫn tới hiệu quả Pareto mang lại phúc lợi tối đa cho xã hội với vấn đề phân phối lại theo Rawls để đảm bảo giảm thiểu gánh nặng vì mất ASXH. Đây chính là triết lý hai mặt của vấn đề, nếu coi phân phối theo của cải và theo thuyết vị lợi là mặt dương của một thực thể, thì phân phối theo thuyết Rawls là mặt âm của thực thể đó, các chính phủ giải quyết hài hòa được hai mặt của vấn đề này thì mất ASXH sẽ giảm tối thiểu và chi phí cho ASXH rẽ về cực tiểu; vấn đề mất ASXH càng nóng hơn khi chúng ta thấy thực trạng mất công bằng trong phân phối của cải xã hội ở các quốc gia trên thế giới hiện nay.

Phát triển kinh tế thị trường đảm bảo cạnh tranh tự do, tự do hóa các nguồn lực xã hội theo cơ chế thị trường cạnh tranh là một xu hướng tất yếu, tuy nhiên không tránh khỏi những méo mó, khuyết tật của thị trường, và đó chính là vai trò của nhà nước trong phân phối của cải xã hội. Phân phối theo thuyết tài sản và thuyết vị lợi được cơ chế

thị trường cạnh tranh thực hiện tương đối tốt đặc biệt là phân phối lần đầu, nhưng học thuyết Rawls lại là một phương pháp đặc biệt hữu hiệu cho vai trò của chính phủ trong phân phối và đặc biệt là phân phối lại, là chìa khóa thông minh cho giải bài toán về ASXH.

Theo quan điểm của tác giả để đảm bảo bình đẳng tốt hơn trong phân phối và đảm bảo được ASXH một cách tự nhiên “với quan điểm phòng hơn chống” thì các chính phủ cần vận dụng tối đa học thuyết của Rawls trong phân phối, đảm bảo quyền lợi của người nghèo, qua đó phúc lợi xã hội được đảm bảo và làm giảm thiểu gánh nặng ASXH.

4. Các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội

Các chính phủ cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp vận dụng các thuyết kinh tế, cụ thể:

Thứ nhất, trong phân phối lần đầu cần ban hành tốt các chính sách:

(1) *Tiền lương tối thiểu.* Trong phân phối cần thực hiện tốt hơn nữa chính sách tiền lương tối thiểu, đây là chính sách đảm bảo quyền lợi của nhóm người nghèo nhất, và vấn đề quan trọng hơn là phải kiểm soát được chế độ tiền lương tối thiểu trên thực tế, vì rằng hiện nay vẫn còn nhiều người lao động làm việc cả tháng một nhọc mà vẫn bị trả với mức lương tối thiểu, nhóm này thường là ở vùng sâu, vùng xa, vùng hoàn cảnh khó khăn hoặc bị rơi vào cảnh không có lối thoát... Hiện nay, có hai quan điểm về tiền lương tối thiểu, quan điểm thứ nhất là chính phủ

cần ban hành chính sách tiền lương tối thiểu, quan điểm thứ hai cho rằng chính phủ nên bỏ quy định về tiền lương tối thiểu. Quan điểm của tác giả là ủng hộ chính sách tiền lương tối thiểu, đặc biệt ở những vùng, những quốc gia có hệ số Gini cao, bất công bằng trong phân phối thu nhập lớn. Tiền lương tối thiểu cần phân biệt theo vùng, miền và thậm chí là ngành sản xuất, kinh doanh.

(2) *Chính sách bảo hiểm.* Trong vấn đề bảo hiểm cần thiết kế chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp toàn dân, đảm bảo nhóm người nghèo nhất cũng được tiếp cận các loại bảo hiểm này, giải pháp tích cực đó là sự đóng góp nhiều hơn của chủ sử dụng lao động cho các loại bảo hiểm này và khi chủ sử dụng đóng góp bảo hiểm cho người lao động thì được phép tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi tính thuế thu nhập và các nghĩa vụ khác. Các chính sách bảo hiểm này là xương sống của bài toán ASXH nhưng không phải mọi người lao động đều có khả năng tham gia đóng góp, chính vì vậy trong bài toán về phân phối lần đầu cần được giải quyết tối đa theo hướng đẩy chi phí này cho người chủ sử dụng lao động, tính vào giá thành sản phẩm, công việc đảm bảo phân phối lần đầu tham gia “phòng chống mất ASXH” tối đa, doanh nghiệp có thể sẽ phải nộp thuế thu nhập thấp hơn so với không hỗ trợ người lao động. Chi tiết hơn nữa, cần phân loại lao động trong doanh nghiệp theo các nhóm nguy cơ mất ASXH, nhóm nào có nguy cơ mất ASXH cao nhất sẽ được

tính các phí bảo hiểm này vào chi phí doanh nghiệp cao nhất và ngược lại.

(3) *Chính sách chi phí công cộng ở doanh nghiệp*, như yêu cầu các doanh nghiệp chi cho phúc lợi công cộng nhiều hơn, khuyến khích và bắt buộc doanh nghiệp chi cho bảo vệ môi trường, chi đào tạo và đào tạo lại người lao động, chi hỗ trợ lao động nữ, lao động có hoàn cảnh khó khăn, chi hỗ trợ giáo dục, y tế thực hiện các hoạt động công ích... và các khoản chi này của doanh nghiệp được tính vào chi phí, giá thành sản phẩm. Khi ban hành chính sách này có thể làm đội giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, giảm lợi nhuận nhưng rõ ràng là công bằng hơn khi chúng ta đã phân tích hai mặt của vấn đề trong ASXH và giải quyết bài toán phòng hơn chống trong ASXH, tôi cho rằng các chính sách này cần được phát huy hơn nữa.

Thứ hai, trong phân phối lại, chính phủ cần thực hiện tốt các chính sách sau:

(1) *Chính sách giáo dục*. Ngân sách nhà nước nên bao cấp giáo dục phổ thông đảm bảo mọi người cho dù là nghèo vẫn tiếp cận được giáo dục phổ thông. Tôi cho rằng đây là giải pháp thông minh theo đúng như câu chuyện ngụ ngôn: “Con cá và chiếc cần câu”, chính phủ nên đảm bảo ASXH bằng cách tạo điều kiện cho mọi người dân có cần câu và cần câu ngày càng tốt hơn để người dân ngày càng cầu được nhiều cá hơn và vấn đề ASXH sẽ giảm bớt, gánh nặng của chính phủ về ASXH được giải tỏa.

(2) *Chính sách y tế*. Việc đảm bảo bảo hiểm y tế toàn dân là

một chính sách tối ưu trong giải quyết ASXH. Tuy nhiên nhóm người nghèo hoặc cận nghèo khó tiếp cận và đóng được phí bảo hiểm y tế, đặc biệt là trong giai đoạn thất nghiệp hoặc ốm đau, chính vì thế ngân sách cần hỗ trợ cho các nhóm người này đóng và tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế.

(3) *Chính sách tiếp cận thông tin, việc làm*. Nhóm người nghèo và cận nghèo, khả năng tiếp cận thông tin và việc làm rất thấp, dễ dẫn đến mất ASXH, đảm bảo cho mọi người đều bình đẳng trong tiếp cận thông tin thị trường và việc làm, chính phủ cần có chính sách ưu đãi, trợ cấp cho nhóm người này. Các chính sách này sẽ hạn chế tối đa được khuyết tật rất lớn của thị trường đó là vấn đề thông tin không đối xứng và giúp chi số toàn dụng lao động được cải thiện, tốt hơn, là lời giải tốt cho bài toán ASXH mà chúng ta đang tìm kiếm.

(4) *Chính sách thuế*. Đảm bảo phân phối lại hiệu quả, công bằng chính phủ cần ban hành hệ thống thuế tốt, khôn ngoan phù hợp với thực tiễn từng thời kỳ, tuy nhiên trên giác độ giải bài toán ASXH tôi cho rằng để giảm thiểu nguyên nhân dẫn tới mất ASXH do nguyên nhân kinh tế thì chính phủ cần sử dụng tốt nhất chính sách thuế thu nhập và thuế tiêu thụ đặc biệt. Cần đánh thuế thu nhập lũy tiến, đảm bảo người có khả năng nộp thuế cao hơn thì phải nộp thuế nhiều hơn, chính sách thuế thu nhập lũy tiến cao giúp chính phủ huy động nguồn lực lớn và có khả năng chi trả cho các chương trình phúc lợi xã hội đảm bảo ASXH. Mở rộng diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng đánh vào sản phẩm,

dịch vụ mà người thu nhập cao hay dùng, thích dùng, sẽ đảm bảo công bằng hơn trong tiêu dùng và trong phân phối thu nhập, giải quyết tốt bài toán ASXH.

Kết luận

Đảm bảo ASXH là một bài toán mà mọi quốc gia, mọi chính phủ luôn tìm giải pháp, với quan điểm giải quyết từ gốc rễ sẽ là tốt hơn, bền vững hơn, tác giả đã tập trung nghiên cứu nguyên nhân mất ASXH từ góc độ phân phối hiệu quả và công bằng, từ đó khuyến nghị chính phủ có các quan điểm tốt hơn trong áp dụng các quan điểm, chính sách về hiệu quả và công bằng, lựa chọn ban hành tốt các chính sách về kinh tế giải bài toán ASXH từ gốc rễ của vấn đề, trong đó chú trọng đến quan điểm phân phối theo thuyết Rawls để cân bằng với các quan điểm phân phối theo thuyết vị lợi và thuyết tài sản.

Tài liệu tham khảo:

Josep E. Stiglitz (1988). *Kinh tế học công cộng, trường đại học tổng hợp Princeton, New Jersey, Hoa Kỳ*.

Michael Harrington (2006). *Có một nước Mỹ khác - Sự giàu có ở Hoa Kỳ, NXB Tri thức, Hoa Kỳ*.

PGS.TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục (2013). *Giáo trình kinh tế công cộng, NXB Tài chính, Hà Nội*.

“Universal Declaration of Human Rights”. Plain language version. United Nations. Art 22. “The society in which you live should help you to develop and to make the most of all the advantages (culture, work, social welfare) which are offered to you and to all the men and women in your country”.

Vilfredo Pareto (1848 - 1923), nhà kinh tế học người Ý, tiêu biểu cho trường phái phân bổ nguồn lực hiệu quả.

Jeremy Bentham (1748-1831) là triết gia người Anh. Ông đã đưa thuyết thỏa dụng vào khoa học xã hội và kinh tế.

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_s%E1%BB%91_Gini